

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 02 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Nhân.

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Dân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXX-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn L, chức vụ: Trưởng Phòng G (theo Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023);

Người được ủy quyền lại: Ông Đoàn Hữu T, chức vụ: Phó Phòng G; địa chỉ: số A - A, đường L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (theo Văn bản ủy quyền số 71/2023/GUQ-PGDĐĐ ngày 26/12/2023), có mặt.

2- Bị đơn: Ông Trương Thanh T1, sinh năm 1973; địa chỉ: số D, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Hữu T trình bày: Ngày 02/3/2021, ông Trương Thanh T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân), hạn mức tín dụng là 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 33,2%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng (loại thẻ Visa, số thẻ 472074-6432), ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23.500.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ (10/3/2021) đến ngày 10/11/2022, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.402.626đồng (thứ tự thanh toán được áp dụng theo Điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân). Kể từ tháng 12/2022 đến nay, ông Trương Thanh T1 không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do ông Trương Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/4/2023 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 32.959.393đ làm nợ gốc. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 trả một lần toàn bộ số nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày xét xử (ngày 26/02/2024) là 49.050.192đ, trong đó 32.959.393đ gốc, lãi quá hạn là 16.090.799đ và tính lãi phát sinh từ ngày 27/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn ông Trương Thanh T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trương Thanh T1 không đến Tòa án, không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Trương Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 49.050.192 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật; buộc ông Trương Thanh T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện bị đơn Trương Thanh T1 tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của

Công an phường Đ, thị xã A: “Công dân **Trương Thanh T1**, sinh ngày 12/5/1973 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại **số nhà D Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định**”. Bị đơn ông **Trương Thanh T1** cư trú tại **thị xã A** nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn **Trương Thanh T1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **T1**.

[3] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được Ngân hàng phê duyệt ngày 02/3/2021 thì giữa chủ thẻ chính là ông **Trương Thanh T1** và bên phát hành thẻ là Ngân hàng hàng **TMCP S** có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân lãi suất 33,2%/năm. Ông **Trương Thanh T1** kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 10/3/2021. Trong thời gian sử dụng thẻ ông **T1** thực hiện 03 giao dịch với tổng số tiền là 23.500.000đ đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 11.402.626đ. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ vào các khoản giao dịch. Đến tháng 12/2022, ông **Trương Thanh T1** không thanh toán nợ nên ngày 10/4/2023 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 32.959.393đ sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 49,8%/năm (150% lãi suất trong hạn). Như vậy, tính đến ngày 26/02/2024 ông **Trương Thanh T1** còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền 49.050.192đ, trong đó 32.959.393đ gốc, lãi quá hạn là 16.090.799đ.

[4] Xét, ông **Trương Thanh T1** đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng vào ngày 02/3/2021, tại phần cam kết của Giấy đề nghị ông **Trương Thanh T1** đã xác nhận ông đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, ràng buộc về mặt pháp lý giữa ông với Ngân hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ông chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng ông được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Trương Thanh T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại mục 2, mục 18, mục 19 và mục 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Trương Thanh T1** phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 32.959.393đ và tiền lãi quá hạn (tính đến ngày xét xử)

16.090.799đ và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 27/02/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Bị đơn ông **Trương Thanh T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để Tòa án xem xét ý kiến, yêu cầu. Do vậy, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở xét xử vụ án.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** được chấp nhận nên bị đơn ông **Trương Thanh T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.452.510 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, các Điều 177, 179, 227, 228, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng; Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**. Buộc ông **Trương Thanh T1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền nợ là 49.050.192(bốn mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn, một trăm chín mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 32.959.393(ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi chín nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng và lãi quá hạn là 16.090.799(mười sáu triệu không trăm chín mươi nghìn bảy trăm chín mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của

pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ông **Trương Thanh T1** phải chịu 2.452.510 (hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm mười) đồng án phí.

2.2/ Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho **TMCP S** số tiền 927.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001981 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3/ Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn **Trương Thanh T1** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng